

Số: 48/2020/QĐST-HNGĐ

Đồ Sơn, ngày 04 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Hồng H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Qu, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hồng H và chị Nguyễn Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh H và chị V thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị V có 02 con chung là Phạm Nguyễn Hải A, sinh ngày 16-6-2008 và Phạm Nguyễn Bảo A, sinh ngày 09-12-2015. Anh, chị thống nhất giao cháu Hải A và Bảo A cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng một tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8-2020 đến khi cháu Hải A và Bảo A đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung: Anh H và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng. Tổng số tiền án phí anh H nhận nộp là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007120 ngày 14-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường H, quận Đ (ĐKKH số 98, ngày 29-12-2006);
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tùng

